| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **161**/2023/KDTM-ST
Ngày: 29-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Bùi Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Ông Nguyễn Đình Phúc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6037/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6377/2023/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1998; ông Nguyễn Quang L và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4271/2023/UQ-PGD ngày 21 tháng 6 năm 2023)

*Bị đơn:* Công ty TNHH D.

Địa chỉ: L, Tòa nhà V, Số G đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: C Khu phố H, phường V, Thành phố T, tỉnh Bình Dương

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: C Khu phố H, phường V, Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Nghi T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Công ty TNHH D và Chia sẻ vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo các Hợp đồng như sau:

- Đối với Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19086-01 ngày 26 tháng 9 năm 2019 theo Hợp đồng cho vay số TSN/19086 ngày 26 tháng 09 năm 2019: Số tiền vay: 740.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 0213/HĐKT/VL-2019 ký ngày 13/09/2019 giữa Công ty TNHH Ô và Bên vay.

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số TSN/19089 ngày 27 tháng 09 năm 2019 được giải ngân như sau: Số tiền vay: 150.000.000 đồng; Thời hạn duy trì thấu chi: 12 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp.

- Đối với Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19249-01 ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo Hợp đồng cho vay số TSN/19249 ngày 02 tháng 01 năm 2020: Số tiền vay: 722.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 0241/HĐKT/VL-2019 ký ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty TNHH Ô và Bên vay.

- Ngoài ra, bị đơn còn đề nghị nguyên đơn phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard, hạng thẻ Business Credit với hạn mức là 100.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 25 tháng 9 năm 2019.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng nêu trên là xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLAZER, số khung MMM156EM0KH621158, số máy LP2G182051319, biển số 51H-153.08 theo Hợp đồng thế chấp số TSN/19088 ngày 26 tháng 9 năm 2019 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP H ngày 26 tháng 9 năm 2019; Xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLAZER, số khung MMM156MM0KH642769, số máy

LP2G183411266, biển số 51H-221.01 theo Hợp đồng thế chấp số TSN/19250 ngày 02 tháng 01 năm 2020 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP H ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Các khoản vay cũng được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Thanh Q theo Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19087 ngày 26/09/2019; Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19251 ngày 02 tháng 01 năm 2020 và bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Nguyễn Thị Nghi T theo Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19252 ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn vẫn cố tình không hoàn trả nợ vay. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án như sau:

- Buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2023 là 458.412.962 đồng (nợ gốc là 369.220.202 đồng, lãi trong hạn là 4.098.928 đồng, lãi quá hạn là 75.939.494 đồng, lãi chậm trả là 9.154.338 đồng) theo Hợp đồng cho vay số TSN/19086 ngày 26 tháng 09 năm 2019 và Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19086-01 ngày 26 tháng 9 năm 2019.

- Buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2023 là 566.204.061 đồng (nợ gốc là 435.633.334 đồng, lãi trong hạn là 11.190.207 đồng, lãi quá hạn là 105.039.166 đồng, lãi chậm trả là 14.341.354 đồng) theo Hợp đồng cho vay số TSN/19249 ngày 02 tháng 01 năm 2020 và Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19249-01 ngày 03 tháng 01 năm 2020.

- Buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2023 là 396.432.954 đồng (nợ gốc là 290.827.765 đồng, lãi trong hạn là 12.666.070 đồng, lãi quá hạn là 85.219.385 đồng, lãi chậm trả là 7.719.734 đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số TSN/19089 ngày 27 tháng 09 năm 2019.

- Buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2023 là 566.204.061 đồng (nợ gốc là 97.851.948 đồng, lãi trong hạn là 51.631.706 đồng, lãi quá hạn là 8.568.168 đồng) theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 25 tháng 9 năm 2019.

Ngoài ra bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 30 tháng 8 năm 2023 theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu

CHEVROLET, số loại TRAILBLAZER, số khung MMM156EM0KH621158, số máy LP2G182051319, biển số 51H-153.08; Xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLAZER, số khung MMM156MM0KH642769, số máy LP2G183411266, biển số 51H-221.01. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Q và bà Nguyễn Thị Nghi T có trách nhiệm thanh toán tất cả khoản tiền trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là Công ty TNHH D có địa chỉ trụ sở tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh Q và ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tống đạt văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Nghi T. Tuy nhiên, việc tống đạt không đạt kết quả. Tòa án nhân dân Quận 1 cũng nhiều lần tống đạt văn bản tố tụng cho Công ty TNHH D và Chia sẻ nhưng Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ L, Tòa nhà V, Số G đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không tìm được địa chỉ khác của đương sự và việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo nên Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu nguyên đơn thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Đ đã phát sóng phát thanh theo thỏa thuận với nguyên đơn trên sóng AM tần số 657KHz, khung giờ từ 06 giờ 30 phút đến 07 giờ và từ 14 giờ 30 phút đến 15 giờ từ ngày 13 tháng 7 năm 2023 đến ngày 15 tháng 7 năm 2023 và đăng trên B ngày 12, 13, 14 tháng 7 năm 2023.

[5] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn 369.220.202 đồng nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số TSN/19086 ngày 26 tháng 09 năm 2019 và Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19086-01 ngày 26 tháng 9 năm 2019; 435.633.334 đồng nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số TSN/19249 ngày 02 tháng 01 năm 2020 và Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19249-01 ngày 03 tháng 01 năm 2020; 290.827.765 đồng nợ gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số TSN/19089 ngày 27 tháng 09 năm 2019 và 97.851.948 đồng nợ gốc theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 25 tháng 9 năm 2019. Các khoản vay này có tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 51H-153.08; Xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLAZER, biển số 51H-221.01 và được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Thanh Q và bà Nguyễn Thị Nghi T.

[6] Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của

Ngân hàng N1 về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng N1 (có hiệu lực thi hành tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng), yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 369.220.202 đồng nợ gốc, 4.098.928 đồng lãi trong hạn, 75.939.494 đồng lãi quá hạn, 9.154.338 đồng lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay số TSN/19086 ngày 26 tháng 09 năm 2019, Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19086-01 ngày 26 tháng 9 năm 2019; 435.633.334 đồng nợ gốc, 11.190.207 đồng lãi trong hạn, 105.039.166 đồng lãi quá hạn, 14.341.354 đồng lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay số TSN/19249 ngày 02 tháng 01 năm 2020, Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19249-01 ngày 03 tháng 01 năm 2020; 290.827.765 đồng nợ gốc, 12.666.070 đồng lãi trong hạn, 85.219.385 đồng lãi quá hạn, 7.719.734 đồng lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số TSN/19089 ngày 27 tháng 09 năm 2019 và 97.851.948 đồng nợ gốc, 51.631.706 đồng lãi trong hạn, 8.568.168 đồng lãi quá hạn theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 25 tháng 9 năm 2019 là có căn cứ để được chấp nhận.

[7] Xét Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[8] Xét yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLAZER, số khung MMM156EM0KH621158, số máy LP2G182051319, biển số 51H-153.08 theo Hợp đồng thế chấp số TSN/19088 ngày 26 tháng 9 năm 2019 đã được đăng ký

giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP H ngày 26 tháng 9 năm 2019; Xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLAZER, số khung MMM156MM0KH642769, số máy LP2G183411266, biển số 51H-221.01 theo Hợp đồng thế chấp số TSN/19250 ngày 02 tháng 01 năm 2020 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP H ngày 02 tháng 01 năm 2020 để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên cũng như quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 43 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ để được chấp nhận.

[9] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh: Xét ngày 26 tháng 9 năm 2019; ngày 02 tháng 01 năm 2020, nguyên đơn và ông Nguyễn Thanh Q đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19087 và Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19251 và ngày 02 tháng 01 năm 2020, nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Nghi T đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19252 đều có nội dung: Ông Nguyễn Thanh Q và bà Nguyễn Thị Nghi T đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bị đơn trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của bị đơn với nguyên đơn phát sinh từ Hợp đồng cho vay số TSN/19086 ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Hợp đồng cho vay số TSN/19249 ngày 02 tháng 01 năm 2020 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa hai bên, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Việc bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh cho đến khi bị đơn thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với nguyên đơn theo các văn kiện tín dụng. Xét hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Do đó, trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn thì ông Nguyễn Thanh Q và bà Nguyễn Thị Nghi T có nghĩa vụ trả nợ thay bị đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên.

[10] Về chi phí đăng thông báo: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo, bị đơn phải chịu chi phí đăng thông báo

[11] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 158, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 2 Điều 244, các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V,

- Buộc Công ty TNHH D và Chia sẻ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V 369.220.202 đồng nợ gốc, 4.098.928 đồng lãi trong hạn, 75.939.494 đồng lãi quá hạn, 9.154.338 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2023 theo Hợp đồng cho vay số TSN/19086 ngày 26 tháng 09 năm 2019, Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19086-01 ngày 26 tháng 9 năm 2019.

- Buộc Công ty TNHH D và Chia sẻ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V 435.633.334 đồng nợ gốc, 11.190.207 đồng lãi trong hạn, 105.039.166 đồng lãi quá hạn, 14.341.354 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2023 theo Hợp đồng cho vay số TSN/19249 ngày 02 tháng 01 năm 2020, Khế ước nhận nợ Lần: 01/Số: TSN/19249-01 ngày 03 tháng 01 năm 2020.

- Buộc Công ty TNHH D và Chia sẻ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V 290.827.765 đồng nợ gốc, 12.666.070 đồng lãi trong hạn, 85.219.385 đồng lãi quá hạn, 7.719.734 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2023 theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số TSN/19089 ngày 27 tháng 09 năm 2019.

- Buộc Công ty TNHH D và Chia sẻ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V 97.851.948 đồng nợ gốc, 51.631.706 đồng lãi trong hạn, 8.568.168 đồng lãi quá hạn tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2023 theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 25 tháng 9 năm 2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Công ty TNHH D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLAZER, số khung MMM156EM0KH621158, số máy LP2G182051319, biển số 51H-153.08 theo Hợp đồng thế chấp số TSN/19088 ngày 26 tháng 9 năm 2019 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP H ngày 26 tháng 9 năm 2019; Xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLAZER, số khung MMM156MM0KH642769, số máy LP2G183411266, biển số 51H-221.01 theo Hợp đồng thế chấp số TSN/19250 ngày 02 tháng 01 năm 2020 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP H ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V, buộc ông Nguyễn Thanh Q và bà Nguyễn Thị Nghi T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty TNHH D và Chia sẻ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên.

2. Về chi phí đăng thông báo: Công ty TNHH D phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V 6.271.507 đồng.

3. Về án phí: Công ty TNHH D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.373.054 đồng.

4. Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V 26.188.986 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2022/0018423 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TPHCM;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Quận 1, TPHCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Mai**